



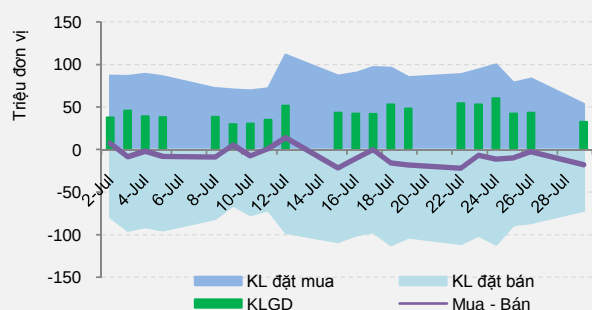
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 29/7/2013

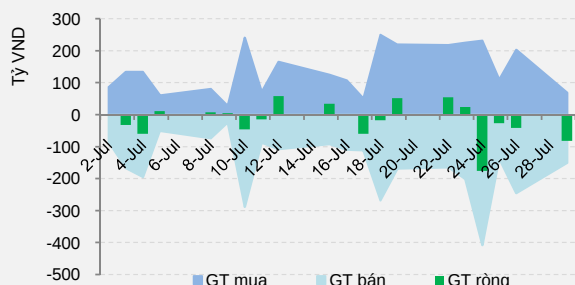
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	485.7	60.8
% Thay đổi	↓ -1.7%	↓ -0.9%
KLGD (CP)	32,825,920	16,829,479
GTGD (tỷ đồng)	685.72	125.22
Tổng cung (CP)	71,554,650	37,868,000
Tổng cầu (CP)	53,791,350	33,560,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,611,690	61,510
KL mua (CP)	1,587,630	327,600
GTmua (tỷ đồng)	68.47	4.03
GT bán (tỷ đồng)	150.10	0.37
GT ròng (tỷ đồng)	(81.63)	3.66

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.90%	6.9	1.4	1.3%
Công nghiệp	↓ -1.59%	23.9	1.0	15.0%
Dầu khí	↓ -1.19%	5.6	1.2	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.91%	10.9	1.6	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.92%	8.8	2.9	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.84%	14.6	5.0	16.9%
Ngân hàng	↓ -0.80%	7.0	1.3	4.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.45%	8.5	2.0	10.2%
Tài chính	↓ -1.86%	26.7	2.9	39.0%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.68%	9.6	3.4	7.5%
VN - Index	↓ -1.67%	13.8	3.0	84.8%
HNX - Index	↓ -0.91%	22.4	1.5	15.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	557,860	1.7%	113,790	0.4%
GTGD (tỷ VND)	9,045	1.4%	2,856	0.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Hai chỉ số Index giảm điểm mạnh trên hai sàn với thanh khoản thấp. Thị trường giao dịch âm ảm với thanh khoản thấp trong phiên sáng. Đà giảm tăng dần với khối lượng khớp lệnh tăng trong phiên chiều, khi lực cầu yếu khiến phía cung chấp nhận hạ nhanh giá bán.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay, chỉ số Vn-Index đã thiết lập một cột nền giảm điểm dài với mức thấp nhất trùng với mức đóng cửa. Việc VN-Index phá vỡ các mức hỗ trợ ngắn hạn khiến xu hướng thị trường chuyển sang xu thế giảm ngắn hạn. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là quanh vùng 475-480 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đã phá vỡ xu thế đi ngang và phá bỏ các ngưỡng hỗ trợ về dài hạn, xu thế giảm điểm trong ngắn hạn đã trở nên rõ ràng. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là 60 điểm. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

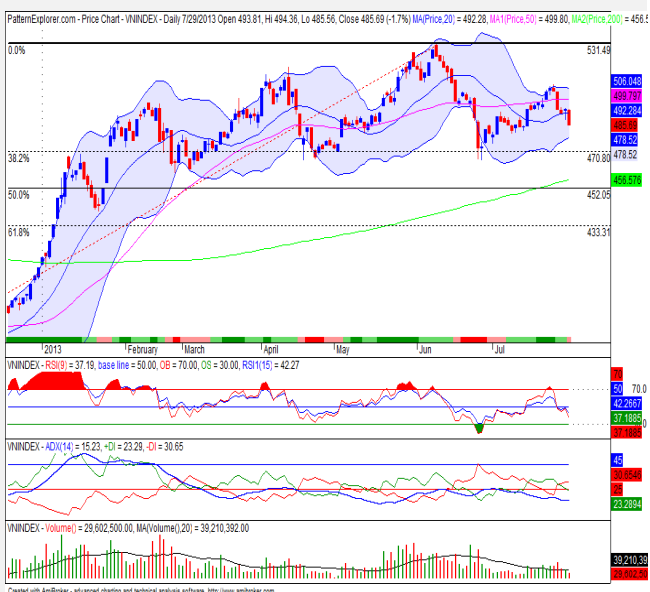
- VN-Index giảm mạnh 8.24 điểm (-1.67%), xuống 485.69 điểm với thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước. Đây cũng là mức thấp nhất trong phiên của chỉ số này.

- HNX-Index tiếp phiên giảm điểm thứ 4 liên tiếp, đóng cửa ở mức 60.78, giảm 0.55 điểm (-0.9%), thanh khoản giảm mạnh.

- Tổng cục Thống kê mới công bố các chỉ tiêu về tình hình kinh tế xã hội 7 tháng đầu năm. Theo đó, chỉ số tiêu thụ trong tháng 6 cải thiện khá so với cùng kỳ là nguyên nhân giúp chỉ số hàng tồn kho giảm mạnh trong tháng 6. Trong tháng 7, chỉ số hàng tồn kho tiếp tục giảm xuống còn tăng 8.8% so cùng kỳ, so với mức tăng 9.7% trong tháng trước. Tuy nhiên chỉ số sản xuất 7 tháng đầu năm so cùng kỳ vẫn duy trì ở mức 5.2% trong 3 tháng liên tiếp, cho thấy hoạt động tiêu thụ không đi kèm với phát triển sản xuất mới. Diễn biến này tiếp tục cho thấy quan điểm thận trọng với triển vọng tiêu thụ của doanh nghiệp. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 7 tháng đầu năm so cùng kỳ đã loại trừ yếu tố giá vẫn duy trì ở mức tăng 4.9% như tháng trước.

- Tổng thu NSNN từ đầu năm đến 15/7/2013 ước đạt 381.7 nghìn tỷ đồng, bằng 46.8% dự toán năm, thấp hơn khá nhiều mức thông thường trong những năm trước (đạt khoảng 50% dự toán trong 6 tháng đầu năm). Chi NSNN tính đến 15/7/2013 ước đạt 483.6 nghìn tỷ đồng, đạt 49.45% dự toán, thấp hơn mức 50.32% dự toán thời điểm cùng kỳ năm 2012. Tuy nhiên giá trị thu thấp khiến bội chi NSNN đã đạt 62.9% dự toán, đặc biệt là bội chi đối với Ngân sách địa phương.

- Về đầu tư từ NSNN, vốn đầu tư từ trung ương giảm nhưng đầu tư của các địa phương vẫn tăng so với cùng kỳ. Cụ thể trong 7 tháng đầu năm, vốn đầu tư từ nguồn NSNN giảm 2.4% so cùng kỳ, trong đó, vốn do TW quản lý giảm 14%, địa phương quản lý tăng 1.4% so cùng kỳ năm trước. Tình trạng bội chi tại các địa phương đang là vấn đề đáng quan ngại, khi nguồn chi của các địa phương chiếm tới 78.5% tổng số chi đầu tư từ NSNN. Điểm tích cực là thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI từ đầu năm đến 20/7/2013 đạt 11.9 tỷ USD, tăng 19.6% so cùng kỳ, tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện Bảy tháng ước đạt 6.7 tỷ USD, tăng 6.4% so với cùng kỳ năm trước.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm mạnh phiên đầu tuần và đóng cửa ở mức 485.69 điểm, giảm 8.24 điểm (-1.67%) so với phiên trước đó. Đây cũng là mức thấp nhất trong phiên của chỉ số này

- KLGD bất ngờ sụt giảm khá mạnh ngay từ đầu phiên giao dịch, mặc dù thị trường giảm điểm mạnh nhưng KLGD cả phiên chỉ đạt hơn 30 triệu cổ phiếu.

- Chỉ báo RSI của chỉ số VN-Index giảm mạnh về 40 điểm cho thấy tâm lý thị trường đang dịch chuyển nhanh về trạng thái bi quan

Nhận định: Chỉ số Vn-Index đã giảm điểm khá mạnh trong phiên hôm nay với một nền giảm điểm dài với mức thấp nhất trùng với mức đóng cửa. VN-Index phá vỡ các mức hỗ trợ ngắn hạn khiến cho thị trường chuyển hẳn sang xu thế giảm ngắn hạn, mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này quanh vùng 475-480 điểm.. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

HNX-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index cũng giảm điểm khá trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức 60.78, giảm 0.55 điểm (-0.9%). Đây là phiên giảm điểm thứ 4 liên tiếp của chỉ số này.

- KLGD tiếp tục xuống thấp dưới 20 triệu cổ phiếu, giao dịch thị trường khá ảm đạm dù thời gian giao dịch đã được mở rộng với nhiều lệnh mới.

- Với phiên giảm điểm hôm nay chỉ số RSI thị trường đã giảm về vùng 30 điểm, tâm lý thị trường nghiêng về hướng bi quan.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đã phá vỡ xu thế đi ngang và phá bỏ các ngưỡng hỗ trợ về dài hạn, xu thế giảm điểm trong ngắn hạn đã trở nên rõ ràng hơn. Mức hỗ trợ gần nhất của chỉ số này là 60 điểm. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu trên sàn này để tránh các rủi ro ngắn hạn trong trường hợp thị trường tiếp tục diễn biến xấu.

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q2.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng đầu năm hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KMR	6.8	729.3%	2.03	88.0%	16.4%	12,998	110	23.74	0.2	0.64	0.91
2	KLS	26.47	329.6%	77.45	55.0%	#DIV/0!	12,626	244	33.99	0.66	1.85	1.95
3	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.1%	53.4%	11,343	988	6.78	0.59	2	8.59
4	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.9%	15.9%	10,738	448	32.79	1.37	3.62	4.42
5	SHS	5.45	157.7%	14.15	-54.4%	34.8%	7,882	139	42.39	0.75	0.94	1.82
6	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.0%	3.0%	16,124	320	16.88	0.33	0.49	1.68
7	VND	69.88	135.6%	97.16	61.7%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	KSD	-1.64	88.0%	-2.45	92.6%	-81.7%	6,388	(870)	-1.61	0.22	-9.65	-12.9
9	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.5%	75.1%	14,653	3,415	5.54	1.29	11.07	24.2
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.69	1.89	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	FCM	9.84	#DIV/0!	21.6	1320.34%	22.5%	10,947	889	12.2	0.99	4.85	11.11
2	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.91%	15.9%	10,738	448	32.8	1.37	3.62	4.42
3	VPH	0.76	136.0%	1.21	175.00%	3.0%	16,124	320	16.9	0.33	0.49	1.68
4	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.14%	53.4%	11,343	988	6.8	0.59	2.00	8.59
5	KSD	(1.64)	88.0%	-2.45	92.61%	-81.7%	6,388	(870)	-1.6	0.22	(9.65)	(12.90)
6	KMR	6.80	729.3%	2.03	87.96%	16.4%	12,998	110	23.7	0.20	0.64	0.91
7	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.29	11.07	24.20
8	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
9	KLS	26.47	329.6%	77.45	54.96%	#DIV/0!	12,626	244	34.0	0.66	1.85	1.95
10	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.7	1.89	15.92	31.18

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	BTP	23.28	-66.0%	70.4	25.11%	130.9%	15,898	2,333	6.5	0.96	6.80	14.42
2	VND	69.88	135.6%	97.16	61.74%	128.3%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
3	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.74%	110.3%	24,424	(1,605)	-17.5	1.15	(2.96)	(6.77)
4	BVS	21.73	-60.6%	56.34	-14.06%	96.9%	16,363	948	10.9	0.63	4.45	5.97
5	PSI	-1.42	-135.2%	1.84	-56.40%	91.5%	9,920	(26)	-242.3	0.64	(0.15)	(0.26)
6	HBS	0.07	0.0%	0.13	8.33%	86.7%	11,173	7	653.8	0.39	0.06	0.06
7	VIS	4.54	-59.7%	25.74	24.95%	84.9%	13,892	(257)	-40.5	0.75	(0.47)	(1.87)
8	LAS	120.32	-8.1%	269.01	3.43%	82.5%	15,827	5,137	7.0	2.27	16.02	32.80
9	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.08%	81.7%	19,037	4,668	7.7	1.89	15.92	31.18
10	SRC	18.22	77.8%	36.62	85.51%	75.1%	14,653	3,415	5.5	1.29	11.07	24.20

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

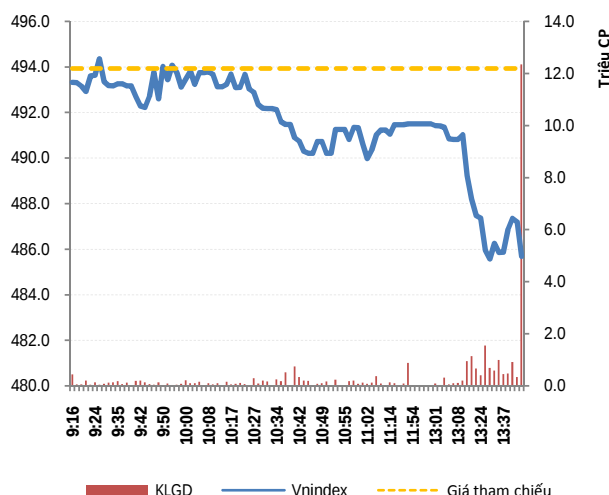
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 29/07/2013.

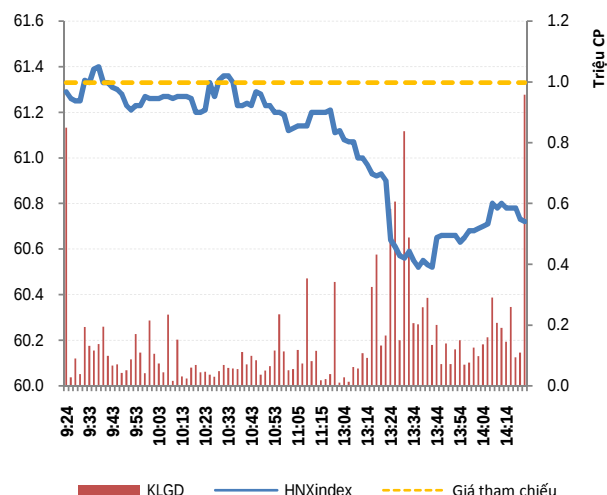


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

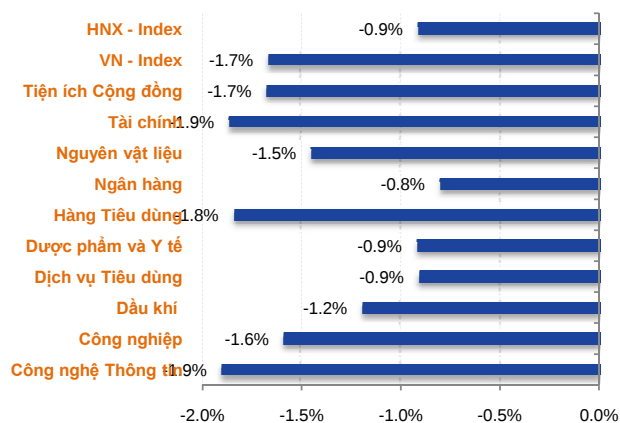
KLGD và VN-Index trong phiên



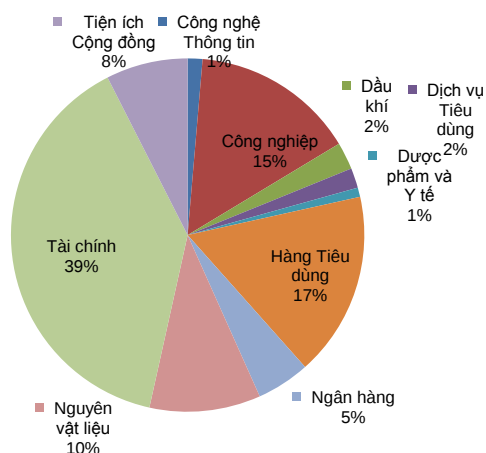
KLGD và HNX-Index trong phiên



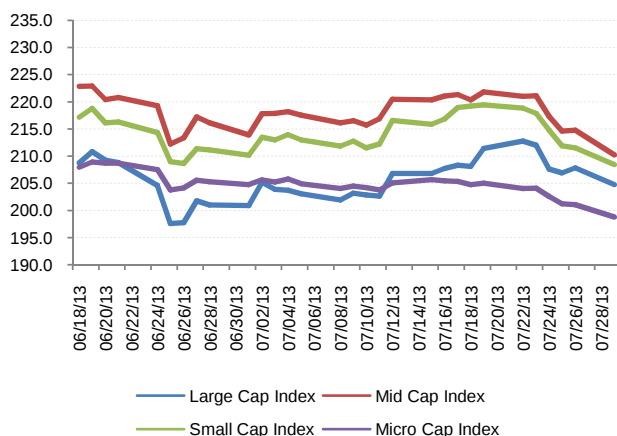
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



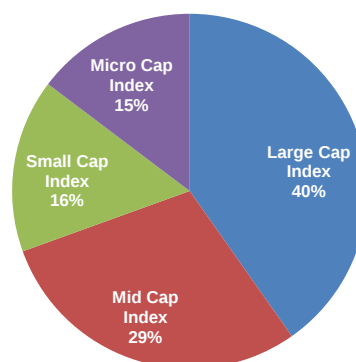
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	110,500	VIC	1,500,000
2	SJD	97,410	CTG	40,300
3	VFMVF1	70,300	PVT	35,000
4	DPM	65,800	KBC	34,120
5	PVD	61,690	VPH	29,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	50,300	SDH	30,400
2	SD5	37,700	APS	10,000
3	SHB	35,000	VCG	6,400
4	PVS	33,000	HCC	4,600
5	TNG	32,000	AAA	1,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIC	64.0	63.0	↓ -1.56%	2,529,000
HQC	5.9	5.6	↓ -5.08%	1,688,510
ITA	6.0	5.7	↓ -5.00%	1,411,270
REE	25.5	24.7	↓ -3.14%	1,200,090
HAG	20.8	20.6	↓ -0.96%	1,120,390

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	5.5	5.5	↑ 0.47%	2,464,500
SHB	6.5	6.4	↓ -1.22%	1,802,329
PVX	4.5	4.4	↓ -1.13%	1,687,343
SCR	6.7	6.6	↓ -1.58%	1,357,904
FIT	12.3	12.9	↑ 4.54%	1,046,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCO	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
TCR	3.0	3.2	0.2	↑ 6.67%
DRH	1.6	1.7	0.1	↑ 6.25%
CTI	6.6	7.0	0.4	↑ 6.06%
VMD	11.7	12.4	0.7	↑ 5.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SEL	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
SDE	6.5	7.1	0.6	↑ 9.23%
SNG	13.2	14.4	1.2	↑ 9.09%
L43	5.5	6.0	0.5	↑ 9.09%
DC4	6.5	7.0	0.5	↑ 7.69%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
LHG	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
ATA	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
HRC	47.4	44.1	-3.3	↓ -6.96%
FDG	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHC	16.2	0.0	-16.2	↓ -100.00%
TTZ	20.0	0.0	-20.0	↓ -100.00%
MAC	4.1	0.0	-4.1	↓ -100.00%
APG	4.1	0.0	-4.1	↓ -100.00%
SEB	25.8	0.0	-25.8	↓ -100.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	2,529,000	11.0%	1,210	52.1	5.4
HQC	1,688,510	2.7%	282	19.8	0.5
ITA	1,411,270	0.2%	30	190.9	0.5
REE	1,200,090	12.9%	2,127	11.6	1.5
HAG	1,120,390	3.6%	601	34.2	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	2,464,500	3.2%	565	9.6	0.3
SHB	1,802,329	-2.3%	(266)	-	0.6
PVX	1,687,343	-34.5%	(2,816)	-	0.7
SCR	1,357,904	-0.3%	(41)	-	0.4
FIT	1,046,600	6.4%	792	16.3	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCO	↑ 7.0%	14.5%	1,749	6.1	0.9
TCR	↑ 6.7%	-3.5%	(523)	-	0.2
DRH	↑ 6.3%	-6.1%	(626)	-	0.2
CTI	↑ 6.1%	1.3%	160	43.8	0.6
VMD	↑ 6.0%	8.0%	1,636	7.6	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SEL	↑ 10.0%	14.0%	2,105	4.7	0.6
SDE	↑ 9.2%	6.7%	947	7.5	0.5
SNG	↑ 9.1%	7.7%	2,474	5.8	0.5
L43	↑ 9.1%	1.5%	328	18.3	0.3
DC4	↑ 7.7%	8.7%	1,385	5.1	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	110,500	14.9%	3,005	9.9	1.4
SJD	97,410	24.9%	4,488	3.9	1.0
VFMVF1	70,300	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	65,800	30.8%	7,410	5.3	1.5
PVD	61,690	19.9%	6,684	7.3	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	50,300	-34.5%	(2,816)	-	0.7
SD5	37,700	8.2%	3,442	7.7	0.6
SHB	35,000	-2.3%	(266)	-	0.6
PVS	33,000	18.6%	3,133	5.1	1.0
TNG	32,000	11.8%	1,879	5.1	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	119,385	42.1%	6,141	10.3	3.8
VNM	117,522	40.5%	7,699	18.3	6.9
CTG	62,710	17.2%	2,617	7.3	1.5
VCB	62,570	10.1%	1,804	15.0	1.5
MSN	62,405	6.5%	1,467	60.3	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,652	3.1%	432	36.8	1.2
SQC	8,602	5.9%	726	107.8	6.3
PVS	7,103	18.6%	3,133	5.1	1.0
SHB	5,582	-2.3%	(266)	-	0.6
VCG	4,638	2.3%	267	39.3	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	2.42	-41.1%	(3,039)	-	0.4
VIP	2.25	17.9%	2,694	2.7	0.4
PVF	2.10	-1.5%	(165)	-	0.6
PPC	2.08	35.0%	4,489	5.0	1.4
TS4	2.06	8.6%	1,546	5.5	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	3.09	-34.5%	(2,816)	-	0.7
PVA	2.93	-75.1%	(6,080)	-	0.8
VIG	2.86	10.5%	665	3.3	0.3
ORS	2.70	-0.1%	(6)	-	0.3
ICG	2.70	-4.3%	(527)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)